

BCĐ CHƯƠNG TRÌNH MTQG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN THƯỜNG XUÂN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33 /BC-BCĐ

Thường Xuân, ngày 23 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO

**Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
Nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2010 - 2019**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Thường Xuân là một huyện miền núi biên giới, nằm ở phía Tây của tỉnh Thanh Hóa, cách Thành phố Thanh Hóa 54 km về phía Tây, có 17 km đường biên giới giáp với huyện Sầm Tơ, tỉnh Hủa Phăn, nước CHDCND Lào.

Toàn huyện có 16 xã, 01 thị trấn với 124 thôn, khu phố (có 9 xã thuộc khu vực III; 4 xã khu vực II và có 12 thôn đặc biệt khó khăn); diện tích tự nhiên là 110.717,35 ha (đất lâm nghiệp chiếm 82,2%; đất sản xuất nông nghiệp chiếm 6%); tổng dân số 95.663 người; trong đó, người DTTS là 56.930 người chiếm tỷ lệ 59,5% (dân tộc Thái chiếm 56,1%; dân tộc Mường chiếm 3,4% và dân tộc Kinh chiếm 40,5%).

Bước vào triển khai thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Thường Xuân có những thuận lợi, khó khăn sau:

1. Thuận lợi.

- Huyện Thường Xuân có diện tích tự nhiên rộng, có tiềm năng phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, có hệ thống giao thông tương đối thuận lợi, đây là những lợi thế quan trọng, là điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Xây dựng nông thôn mới là chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân, có nhiều chương trình phát triển nông nghiệp như chương trình 135, 30a được triển khai sâu rộng tạo điều kiện cho các hộ nông dân hưởng ứng tham gia chương trình đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

- Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện Thường Xuân luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ của Tỉnh và Trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện và sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; sự tham mưu hiệu quả của các cơ quan chuyên môn, sự vào cuộc với quyết tâm cao của 16 xã.

2. Khó khăn.

Thường xuân là huyện miền núi thuộc 62 huyện nghèo, địa hình đồi núi phức tạp bị chia cắt bởi hệ thống sông suối nhỏ; giao thông đi lại còn khó khăn, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, trình độ dân trí không đồng đều, đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa.

- Là huyện có xuất phát điểm thấp, phát triển chủ yếu là nông lâm nghiệp, sane xuất còn mang tính nhỏ lẻ, hệ thống hạ tầng còn thiếu và yếu; cơ cấu kinh tế nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, năm 2010 thu nhập bình quân đầu người toàn huyện chỉ đạt 6,3 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 41,42%, bình quân tiêu chí chỉ đạt 3,5 tiêu chí/xã.

- Huyện có số thôn, xã khó khăn nhiều nhu cầu vốn để xây dựng nông thôn mới cao trong khi đó việc khai thác, huy động các nguồn lực của các xã còn nhiều khó khăn.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

Xác định xây dựng nông thôn mới là một chủ trương lớn để thực hiện thành công cần có một bộ máy chỉ đạo động bộ từ huyện đến xã, đến thôn. Năm 2010 huyện đã thành lập Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2012, thực hiện chỉ thị số 10/CT-TU ngày 29/2/2012 của BTV Tỉnh ủy, huyện đã kiện toàn BCD từ huyện đến xã. Ban chỉ đạo huyện do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban, các xã đã thành lập BQL xây dựng NTM do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban; các thôn thành lập Ban phát triển thôn do Bí thư chi bộ làm trưởng ban. Hàng năm, BCD huyện, xã, ban phát triển thôn được kiện toàn củng cố kịp thời để lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện chương trình. Căn cứ vào lĩnh vực phụ trách các thành viên được giao nhiệm vụ cụ thể trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các xã thực hiện các tiêu chí. Ban chỉ đạo thường xuyên họp giao ban định kỳ theo kế hoạch tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện.

Thực hiện theo Quyết định 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ, huyện Thường Xuân thành lập Văn phòng điều phối chương trình NTM cấp huyện gồm 6 thành viên do đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách nông nghiệp làm Chánh Văn phòng điều phối, đồng chí Trưởng phòng NN&PTNT làm Phó chánh Văn phòng, các thành viên là lãnh đạo và chuyên viên phòng NN&PTNT, chuyên viên các phòng chuyên môn UBND huyện... Hàng năm Văn phòng điều phối được kiện toàn đảm bảo phù hợp tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện và cơ chế chính sách

Trên cơ sở các văn bản, hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, huyện đã ban hành trên 200 văn bản chỉ đạo hướng dẫn các xã, ngành triển khai tổ chức thực hiện.

Trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ từ 2010 - 2020, Ban chấp hành đảng bộ huyện đã chỉ đạo xây dựng, ban hành các chương trình trọng tâm, xây dựng đề án trọng điểm. Trong đó, tập trung tốt việc thực hiện Đề án xây dựng NTM và đề án phát triển

nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, năng suất, chất lượng hiệu quả gắn với tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Các Chỉ thị, Nghị quyết đề lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn như:

- Quyết định số 100-QĐ/HU ngày 06/07/2011 của BCH Đảng bộ huyện về Chương trình hành động phát triển NN và xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015;
- Nghị quyết số 03-NQ/HU, ngày 01/3/2016 của BCH Đảng bộ huyện về Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.
- Nghị quyết số 04-NQ/HU, ngày 30/3/2016 của BCH Đảng bộ huyện về Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025.
- Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 20/4/2016 của BCH Đảng bộ huyện về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016-2020.
- Quyết định số 469-QĐ/HU, ngày 30/05/2016 của BCH Đảng bộ huyện về ban hành chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020.
- Đề án bảo tồn và phát triển cây quế ngọc, huyện Thường Xuân giai đoạn 2015-2025;
- Đề án phát triển nông lâm nghiệp xây dựng NTM, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015 - 2020;
- Nghị quyết số 117/2015/NQ-HĐND, ngày 29/12/2015 của HĐND huyện về việc phê chuẩn mức khen thưởng cho các xã, thôn, bản trong thực hiện phong trào chung sức xây dựng NTM trên địa bàn huyện năm 2015 và giai đoạn 2016-2020.
- Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 21/12/2018 của HĐND huyện, Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND huyện về việc ban hành Đề án “Hỗ trợ khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Thường Xuân giai đoạn 2019-2021”...

Trên cơ sở ban hành các cơ chế hỗ trợ của huyện, UBND huyện chỉ đạo các xã trong việc lồng ghép các chương trình, dự án cùng với huy động nguồn lực trong nhân dân để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn như: Giao thông, thủy lợi, nhà văn hóa, lò xử lý rác thải hộ gia đình...; liên kết sản xuất nâng cao thu nhập như: Liên kết trong chăn nuôi gia cầm; liên kết trong bao tiêu sản phẩm mía, sắn, cây ngô làm thức ăn chăn nuôi...

Nhìn chung, các cơ chế khuyến khích của huyện ban hành bước đầu phát huy hiệu quả, tạo được động lực khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống cho nhân dân và góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết.

3. Công tác tuyên truyền, vận động

BCĐ từ huyện đến xã đã chú trọng công tác tuyên truyền các chủ trương, cơ chế chính sách của Đảng, Nhà nước và các cấp ủy chính quyền, địa phương về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đến với nhân dân. Công tác tuyên truyền được triển khai sâu rộng và bằng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú như:

- Ban Tuyên giáo Huyện ủy đã phối hợp với Thường trực BCĐ xây dựng chuyên mục hàng tháng về xây dựng NTM, chỉ đạo Đài TTTH huyện, xã đã đưa tin, tuyên truyền về chương trình xây dựng NTM một ngày 2 lần để nhân dân hiểu và tích cực tham gia thực hiện chương trình.

- Huyện ủy đã lồng ghép chương trình xây dựng NTM vào công tác tập huấn Bí thư chi bộ và cấp ủy viên cơ sở. Chỉ đạo các chi bộ nông thôn mỗi năm ít nhất 1 lần họp chuyên đề về xây dựng NTM.

- MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội của huyện đã đổi mới phương thức hoạt động tập trung hướng về cơ sở, phát động các phong trào thiết thực hướng ứng phong trào xây dựng NTM như: MTTQ thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” Hội LH Phụ nữ phát động phong trào “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Hội Nông dân phát động phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững. Phòng Văn hóa thông tin tăng cường chỉ đạo phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa”...

Trong 10 năm thực hiện Chương trình xây dựng NTM toàn huyện tổ chức 2012 đợt tuyên truyền vận động xây dựng NTM với hơn 201.154 lượt người tham gia. Tổng số băng zôn, bảng hiệu tuyên truyền: 1.502 cái; Cấp phát tài liệu: 1.327 cuốn; Xây dựng được 16 cụm pano, áp phích tuyên truyền về xây dựng NTM tại các xã.

Kết quả công tác tuyên truyền, vận động trong 10 năm qua trên địa bàn huyện đã thực hiện một cách toàn diện, đồng bộ, phong phú và rộng khắp. Do vậy, nhận thức về xây dựng NTM của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân đã hiểu rất đầy đủ về mục đích, nội dung, ý nghĩa của Chương trình, đã khắc phục được tư tưởng trông chờ ỷ lại của một số cán bộ, nhân dân, tạo sự đồng thuận và tự giác của các tầng lớp nhân dân, thu hút sự tham gia, vào cuộc của cả hệ thống chính trị, góp phần vào thực hiện Chương trình đạt kết quả cao.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác lập quy hoạch

Công tác lập quy hoạch được triển khai thực hiện dân chủ, công khai và được sự hỗ trợ của các đơn vị tư vấn đến cuối năm 2012, 16/16 xã đã xây dựng xong quy hoạch phát triển NTM được UBND huyện phê duyệt, chất lượng quy hoạch được đánh giá là khá, các xã đã tổ chức công khai quy hoạch tại trung tâm xã, nhà văn hóa thôn. Trong quá trình thực hiện đã tiến hành điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với sự phát triển của địa phương.

2. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

2.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất theo hướng phát triển hàng hóa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân nông thôn.

Thực hiện các chương trình trọng tâm của huyện về phát triển nông nghiệp xây dựng NTM, chương trình giảm nghèo bền vững, trong 10 năm qua sản xuất nông,

lâm, thuỷ sản trên địa bàn huyện đã từng bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương, từng bước đạt được những kết quả cao. Giá trị sản xuất thực tế ngành nông, lâm, thuỷ sản năm 2010 đạt 577,5 tỷ đồng, đến năm 2018 là 1.137,6 tỷ đồng, tăng 560,1 tỷ đồng; Ước 6 tháng năm 2019 đạt 469,3 tỷ đồng. Tỷ trọng ngành nông, lâm, thuỷ sản trong nền kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm từ 43,3% năm 2010 xuống 30,4% năm 2018 và dự kiến giảm xuống 29,5% trong năm 2019.

Sản xuất trồng trọt đạt kết quả khá toàn diện: Sản xuất lương thực tiếp tục được quan tâm, đẩy mạnh sử dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao và mở rộng thâm canh, tăng vụ. Tổng sản lượng lương thực năm 2010 đạt 24.974 tấn đến năm 2018 đạt 34.780 tấn, tăng 9.806 tấn so với năm 2010; 6 tháng năm 2019 đạt 19.039 tấn.

Toàn huyện đã thực hiện công tác đổi điền dồn thửa đất lúa tại 3 xã (Thọ Thanh, Xuân Dương và Ngọc Phụng). Chuyển đổi được gần 500ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các cây trồng khác.

Giá trị sản phẩm sản phẩm trên 1 ha canh tác năm 2018 đạt 66,52 triệu đồng, năm 2019 dự kiến 67 triệu đồng /ha tăng 28,5 triệu đồng so với năm 2010.

Chăn nuôi phát triển từ chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang mô hình trang trại, gia trại, phát triển cả về số lượng và chất lượng, dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ; nhiều trang trại chăn nuôi theo hình thức liên kết sản xuất đang phát huy hiệu quả kinh tế. Đến nay, toàn huyện có 03 trang trại, 144 gia trại chăn nuôi, chất lượng đàn gia súc, gia cầm có chuyển biến, tỷ trọng đàn bò lai, đàn lợn hướng nạc, đàn gia cầm tăng.

Trong lâm nghiệp đã chuyển mạnh từ chỗ khai thác tài nguyên rừng đã chuyển sang trồng mới, bảo vệ khoanh nuôi, tái sinh và khai thác rừng trồng một cách hiệu quả. Rừng trồng đã được phát triển theo hướng trồng rừng đa mục đích góp phần tăng giá trị gia tăng của ngành lâm nghiệp. Thực hiện đề án khoanh nuôi và tái sinh rừng nứa vầu, diện tích rừng nứa, vầu đã được phục tráng và sinh trưởng phát triển tốt, đem lại hiệu quả cao về kinh tế và bảo vệ môi trường, với tổng diện tích rừng được tái sinh là 7.215ha. Đề án hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao tự nguyện trồng và chăm sóc bảo vệ rừng, từ năm 2016 - 2018 toàn huyện đã hỗ trợ được 3.762 tấn gạo cho 5.536 hộ(25.489) khẩu tự nguyện trồng 51.837,4ha. Thực hiện hỗ trợ phục tráng rừng luồng cho các xã, Luận Thành, Luận Khê, Tân Thành, Xuân Cao, Lương Sơn, sau khi triển khai bón phân cho rừng luồng phát triển tốt, làm đường lâm nghiệp vận chuyển.

Từ năm 2010-2018 toàn huyện đã trồng được 15.452ha rừng, trong đó có 10.202 ha trồng bằng ngân sách nhà nước. Giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2010 đạt 70,591 tỷ đồng đến năm 2018 đạt 298,5 tỷ đồng, tăng 227,909 tỷ đồng, dự kiến 6 tháng năm 2019 đạt 123,5 tỷ đồng. Tỷ lệ che phủ tăng từ 70% năm 2010 lên 76% năm 2018 và dự kiến năm 2019 đạt 77%.

Trong giai đoạn 2010-2018, bằng nguồn vốn được phân bổ từ chương trình MTQG xây dựng NTM đã xây dựng được 29 mô hình với 1.570 hộ. Giải quyết việc làm cho gần 1.000 lao động tại địa phương. Nhiều mô hình có hiệu quả và được nhân rộng như: Mô hình chăn nuôi lợn sinh sản kết hợp nuôi thịt theo hướng sản xuất hàng hóa xã Xuân Lệ, xã Yên Nhân; mô hình nuôi gà thịt theo hướng liên kết tại Luận Thành, Xuân Cao; mô hình trồng dưa trong nhà lưới tại các xã: Ngọc Phụng, Thọ Thanh và Xuân Dương.v.v... Đa số các mô hình sản xuất được lựa chọn đã đáp ứng yêu cầu thực tế phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân và đúng với nội dung chương trình MTQG xây dựng NTM, từng bước thay đổi hình thức sản xuất truyền thống, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người nông dân.

Ngoài các mô hình được hỗ trợ từ chương trình MTQG, huyện đã có chính sách khuyến khích phát triển mô hình nuôi cá lồng trên lưu vực hồ Cửa Đặt, hồ Xuân Minh, đến nay đã thực hiện được 92 lồng, số lượng cá thả lồng là 92.000 con, bình quân mỗi lồng thả khoảng 1.000 con, hiện nay cá đang sinh trưởng và phát triển tốt, đồng thời phối hợp với sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh đã thả 1,8 tấn cá giống vào hồ Cửa Đặt.

Đến nay đã có 14/16 xã đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất.

2.2. Phát triển công nghiệp, dịch vụ.

Trước khi bước vào xây dựng nông thôn mới, huyện Thường Xuân chưa có cơ sở sản xuất công nghiệp nào. Hiện nay trên địa bàn toàn huyện có 04 nhà máy thủy điện, 06 nhà máy chế biến lâm sản, 02 cụm công nghiệp đang thu hút các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào đầu tư, 1.176 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp - công nghiệp thu hút 2.375 lao động. Trong đó Cụm Công nghiệp Thị trấn có 02 nhà máy đã đi vào hoạt động. Cụm công nghiệp Khe Hạ đang trong giai đoạn hoàn thành quy hoạch và chuẩn bị các bước cho việc đăng ký đầu tư. Tổng mức đầu tư phát triển công nghiệp đạt 2.647 tỷ đồng.

Trên địa bàn huyện có tổng số 07 làng nghề, tổng số hộ tham gia sản xuất tại các làng nghề là 250 hộ, thu hút được 580 lao động; có 1 siêu thị, 2.540 hộ kinh doanh bán lẻ hàng hóa, có 10 chợ trong đó có 04 chợ nằm trong kế hoạch chuyển đổi chợ của UBND tỉnh, hiện nay đang thực hiện các bước chuyển đổi. Tổng số doanh nghiệp, tổ hợp, hợp tác xã đang hoạt động SXKD trên địa bàn huyện là 144, trong đó có 112 doanh nghiệp và 32 hợp tác xã.

Sau 10 năm xây dựng NTM thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn phát triển nhanh cả về quy mô, loại hình, chất lượng. Ngành công nghiệp, xây dựng tăng từ 22,5% năm 2010 lên 37,6% năm 2018; ngành dịch vụ, thương mại tăng từ 24,2% năm 2010 lên 32% năm 2018. Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 đạt 24,8 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 4 lần so với năm 2010.

2.3. Kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật, tỷ lệ lao động trong nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn và thực trạng nguồn nhân lực nông thôn.

- Công tác đào tạo nghề, chuyên giao khoa học kỹ thuật được quan tâm. Trong 10 năm, đã phối hợp tổ chức 40 lớp đào tạo nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ thương mại theo Quyết định 1956/QĐ-TTg cho 1.982 lao động. Trong đó có 27 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, 13 lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp. Mở được 9 lớp tập huấn kiến thức tại huyện cho hơn 1.035 lượt cán bộ tham gia; mở được 32 lớp tại các xã, thôn cho BCĐ xã, thôn với 2.956 lượt người tham gia.

Ngoài ra, hàng năm huyện phối hợp với các trường trung cấp nghề, các doanh nghiệp và công ty đào tạo, nghề cho lao động trên địa bàn cho hàng ngàn lao động, tạo công ăn, việc làm cho hơn 10.000 người. Sau khi người lao động được đào tạo nghề đã có việc làm, áp dụng kiến thức được đào tạo vào làm việc mang lại thu nhập ổn định, nâng cao đời sống.

- Trong 10 năm trạm Khuyến nông huyện đã tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học, kỹ thuật áp dụng vào sản xuất cho trên 350 lớp với tổng số hơn 15.000 lượt người. Tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức xây dựng NTM với tinh 300 lượt cán bộ là thành viên BCĐ Chương trình xây dựng NTM cấp huyện, xã và 140 trưởng thôn.

Đến nay trên địa bàn toàn huyện đã có 16/16 xã đạt tiêu chí lao động có việc làm.

3. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

3.1. Về giao thông:

Phát triển hệ thống giao thông nông thôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm luôn được huyện quan tâm triển khai thực hiện và được xác định là động lực phát triển kinh tế - xã hội theo hướng nhanh và bền vững góp phần thúc đẩy tiến độ xây dựng NTM trên địa bàn huyện. Tiêu biểu như các tuyến đường Chiềng đi Đục Vịn, xã Bát Mọt; đường An toàn khu 229; đường tránh Lương Sơn; Quốc lộ 47 đi cửa khẩu Khẹo...

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 814 km đường bộ bao gồm đường Hồ Chí Minh 12km; quốc lộ 47 dài 67 km; quốc lộ 16 dài 42 km; Tỉnh lộ 519 dài 31,7km; đường tỉnh 519B dài 43,8km; đường huyện 98km; đường xã 94,2km; đường thôn bản: 425km. Trong đó tỷ lệ cứng hóa đạt 54,98 %, tương đương 447,5 km. Tổng mức đầu tư các tuyến đường trên địa bàn huyện là 650 tỷ đồng.

Đến nay đã có 07/16 xã đạt tiêu chí về giao thông.

3.2. Thủy lợi:

Từ năm 2010 đến nay, đã đầu tư xây được 7 công trình hồ đập, kiên cố hóa được 222 km kênh mương. Hàng năm tổ chức ra quân làm thủy lợi mùa khô nạo vét kênh mương khơi thông dòng chảy với khối lượng nạo vét hàng năm đạt hàng nghìn m³. Đến nay, toàn huyện có 13/16 xã đạt chuẩn tiêu chí Thủy lợi.

Trên địa bàn huyện có hệ thống kênh Bắc chạy qua, với 5,3 km kênh chính và 12,95 km kênh nhánh, đường ống sợi thủy tinh, 15 nhà van và 16 van chặn, tổng kinh phí xây dựng hệ thống kênh tưới Thường Xuân hơn 183 tỷ đồng, phục vụ tưới cho hơn 1.700 ha đất sản xuất nông nghiệp tại các xã Lương Sơn, Ngọc Phụng, Thị Trấn,

Thị Thanh và Xuân Dương. Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện hiện nay đã chủ động tưới được cho trên 86% diện tích.

Đến nay đã có 13/16 xã đạt tiêu chí về thủy lợi.

3.3. Hệ thống điện nông thôn:

Năm 2010, trên địa bàn huyện mới có 142 trạm biến áp, có 02/16 xã, 20 thôn chưa có điện lưới, đến năm 2018, 16/16 xã đã có điện lưới Quốc gia, tuy nhiên vẫn còn 4/119 thôn thuộc 4 xã: Bát Mạt, Xuân Chính, Xuân Lệ, Luận Khê chưa có điện. Tỷ lệ hộ được sử dụng nguồn điện an toàn là 98%. Trong 10 năm qua trên địa bàn huyện không có tai nạn rủi ro chết người do sử dụng điện.

Toàn huyện có tổng số 164 trạm biến áp với 166 máy, trong đó có 01 trạm trung gian và 02 máy 2500KVA với tổng chiều dài đường dây trung thế là 141,9 km, đường dây hạ thế là 391,8 km; Tổng mức đầu tư xây dựng hệ thống điện 10 năm qua là 105 tỷ đồng. Doanh số tiền điện năm 2010 = 15,2 tỷ/năm đến 2018 đạt 85 tỷ đồng/năm tăng 5,6 lần.

Đến nay đã có 13/16 xã đạt tiêu chí về điện.

3.4. Trường học nông thôn

Trong 10 năm qua đã đầu tư xây mới 23 nhà Hiệu bộ, với tổng số vốn đầu tư hơn 50 tỷ đồng; xây mới 111 phòng học kiên cố, với tổng số vốn đầu tư trên 112 tỷ đồng; cải tạo, nâng cấp nhiều phòng học bộ môn, phòng đa năng; cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp học của huyện có nhiều thay đổi, khang trang, hiện đại; xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Xây dựng cảnh quan trường lớp, xanh, sạch, đẹp” và mục tiêu chương trình xây dựng NTM.

Toàn huyện hiện có 939 phòng học, trong đó 607 phòng kiên cố, đạt 64,7 %; 332 phòng bán kiên cố, bằng 35,3 %. Có 44 phòng học bộ môn, 27 nhà hiệu bộ; 13 nhà ở nội trú, bán trú học sinh, hàng trăm phòng công vụ,...

Các trường THPT và TTGDNN-GDTX đã cơ bản đầy đủ hệ thống các công trình theo hướng khang trang, hiện đại, đáp ứng yêu cầu quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục.

Đến nay, có 8/16 xã đạt tiêu chí Trường học.

3.5. Cơ sở vật chất văn hóa:

Đã được quan tâm đầu tư từng bước đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao cho cộng đồng dân cư nông thôn: Toàn huyện xây mới 16/16 công sở xã, 08 nhà văn hóa và khu thể thao xã nâng số xã có Trung tâm Văn hóa, thể thao là 13/16 xã; Xây mới 12 nhà văn hóa thôn, nâng tổng số thôn có nhà văn hóa lên 94/119 thôn (đạt 79%), xây mới nhiều cổng chào, cổng làng.

Đến nay đã có 11/16 xã đạt chuẩn tiêu chí CSVC văn hóa.

3.6. Hạ tầng thương mại nông thôn:

Hiện nay trên địa bàn huyện có 1 siêu thị, có 10 chợ, 2.540 hộ kinh doanh bán lẻ hàng hóa, trong đó có 4 chợ nằm trong kế hoạch chuyển đổi chợ của UBND tỉnh, hiện nay đang thực hiện các bước chuyển đổi.

Thời gian qua hệ thống chợ nông thôn từng bước được hoàn thiện, thực hiện xây mới chợ Lương Sơn, chỉnh trang, cải tạo chợ trung tâm thị trấn, Ngọc Phụng và chợ Luận Thành. Đồng thời tiến hành chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ cho doanh nghiệp, cá nhân.

Đến nay đã có 8/16 xã đạt tiêu chí về hạ tầng thương mại nông thôn.

3.7. Thông tin truyền thông:

Năm 2010 trên địa bàn huyện mới có 10 xã có điểm phục vụ bưu chính; hệ thống dịch vụ viễn thông; hệ thống internet, sóng điện thoại mới được phủ sóng ở 8/16 xã. Đến nay, toàn huyện có 16/16 xã có điểm phục vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông; hệ thống internet, sóng điện thoại đã được phủ rộng rãi tất cả các xã trên địa bàn huyện; 16/16 xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn; 16/16 xã có ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành.

Trong 10 năm qua VNPT đã đầu tư thêm 36 trạm phát sóng, với số tiền đầu tư là trên 32 tỷ đồng; Viettel đã đầu tư thêm 30 trạm phát sóng với số tiền đầu tư là 45 tỷ đồng. MobiFone đầu tư 48 tỷ với 26 trạm, từ 300 triệu năm 2010 lên 9,6 tỷ năm. Doanh thu hàng năm từ dịch vụ viễn thông; hệ thống internet, sóng điện thoại trên địa bàn huyện đạt 70,9 tỷ đồng/năm. Với khách hàng năm 2010 là 18.000 khách hàng nay lên 123.720 khách hàng tăng 6,8 lần.

So với chuẩn NTM có 16/16 xã hoàn thành tiêu chí.

3.8. Nhà ở dân cư nông thôn:

Từ 2010 đến nay, toàn huyện đã cải tạo nâng cấp, làm mới được 13,9 nghìn ngôi nhà ở dân cư, với số tiền đầu tư gần 2.679 tỷ đồng, nâng số xã hoàn thành tiêu chí về nhà ở dân cư lên 15/16 xã.

4. Về phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và bảo vệ môi trường

4.1. Về nâng cao đời sống văn hóa của người dân nông thôn:

Xây dựng nét sống mới, duy trì, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc theo hướng tiên tiến, bài trừ các lủi túc tập quán lạc hậu, xây dựng nét sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội của huyện luôn được coi trọng. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, nâng cao chất lượng phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, thực hiện các tiêu chí phát triển văn hóa NTM cấp xã; xây dựng con người, gia đình, cộng đồng nông thôn và môi trường văn hóa nông thôn lành mạnh, phong phú, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, tạo động lực thúc đẩy phát triển xã hội khu vực nông thôn.

Sau 10 năm thực hiện đồi sống văn hóa vùng nông thôn ngày càng được được đẩy mạnh. Đến nay, toàn huyện có 16.000 hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa

đạt tỷ lệ 70%; Số được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa 3 năm là 11.254 đạt 49,8%; thôn, làng văn hóa đạt 85 thôn, làng đạt 71,42%.

Đến nay, có 13/16 xã đạt tiêu chí về văn hóa.

4.2. Phát triển giáo dục ở nông thôn:

Trong 10 năm huyện đã chỉ đạo thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục các cấp, bậc học, kết quả phổ cập hiện nay có 17/17 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; tỷ lệ phổ cập Tiểu học của huyện là 97,29%, có 17/17 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3, toàn huyện đạt mức độ 3; tỷ lệ phổ cập THCS của huyện là 93,17%, toàn huyện đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 2.

Tính đến tháng 8 năm 2019, số trường học được công nhận đạt Chuẩn Quốc gia là 29/59, tỷ lệ 49,2%, tăng 22 trường so với năm học 2009-2010, trong đó: Mầm non: 05 trường; Tiểu học: 14 trường; THCS: 10 trường. Có 13 trường thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường Chuẩn Quốc gia năm 2019, trong đó: Đã công nhận mới 08 trường; kiểm tra công nhận lại sau 5 năm là 05 trường.

Đến nay, có 16/16 xã đạt tiêu chí về Giáo dục.

4.3. Về lĩnh vực y tế:

Phát triển y tế cơ sở luôn được quan tâm đầu tư: Giai đoạn 2010-2019 thực hiện đầu tư xây mới 13 trạm và sửa chữa nâng cấp cho 4 trạm y tế. Đến nay 100% các trạm y tế được kiên cố hóa. Trong đó có 13/16 xã đã có cơ sở vật chất đạt chuẩn. Công tác chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn luôn được quan tâm. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 96%. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 94,33%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,14% xuống còn 0,75%;

Đến nay, có 13/16 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

4.4. Nhiệm vụ xoá đói giảm nghèo, an sinh xã hội:

Sau 10 năm thực hiện, đời sống người dân được nâng lên rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người đã tăng từ 6,3 triệu đồng/người năm 2010 lên 24,8 triệu đồng/người năm 2018 và ước 27,4 triệu đồng năm 2019. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 41,42% năm 2010 giảm xuống còn 13,77% năm 2018 và dự kiến xuống còn 7% năm 2019; tỷ lệ hộ khá, giàu tăng từ 20,5% năm 2010, lên 63,22% năm 2018. Lao động qua đào tạo có việc làm đạt gần 50% lao động được đào tạo, hàng năm giới thiệu cho hơn 130 người đi xuất khẩu lao động, tính đến nay trên địa bàn huyện đã có trên 1.300 lượt người đi xuất khẩu lao động, tăng thu nhập cho địa phương mỗi năm từ 50 - 60 tỷ đồng.

Đến nay có 06/16 xã đạt tiêu chí thu nhập; 06/16 xã đạt tiêu chí hộ nghèo.

4.5. Công tác vệ sinh môi trường nông thôn

Đã có chuyển biến tích cực, tỷ lệ hộ gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh và thực hiện 3 sạch ngày càng tăng, công tác vệ sinh môi trường có nhiều chuyển biến. Tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước HVS đạt 96,5%; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu HVS: 70,9 %; tỷ lệ hộ dân có bể chứa nước hợp vệ sinh đạt: 89,8%.

Toàn huyện đã có 5 xã tiến hành thu gom rác thải tập trung và xử lý theo đúng quy trình, 1.522 hộ tiến hành di dời chuồng trại chăn nuôi ra khỏi gầm sàn và xa khu vực dân cư; Việc chỉnh trang khuôn viên, hàng rào từng bước được quan tâm, ý thức của người dân trong việc vệ sinh nơi ăn ở, sinh hoạt, vệ sinh đường làng, ngõ xóm được nâng lên. Đến nay, đã có 16/16 xã đạt tiêu chí về môi trường.

5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và giữ an ninh, trật tự xã hội.

5.1. Hệ thống chính trị

- Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở được Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, các cơ quan trong hệ thống chính trị tập trung hướng về cơ sở, chỉ đạo các ngành triển khai đồng bộ các chương trình gắn với chương trình xây dựng NTM.

Công tác phát triển đảng viên, tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn được quan tâm, đến nay toàn huyện có 119/119 thôn có chi bộ, đạt tỷ lệ 100%. Các chi bộ thôn phát huy tốt vai trò lãnh đạo trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở,

Trong 10 năm qua huyện đã đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức cấp xã, đến nay 100% cán bộ cấp xã đã đạt chuẩn theo quy định. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở luôn luôn đổi mới, phát huy tối vai trò tập hợp đoàn kết, vận động nhân dân tham gia xây dựng NTM, tỷ lệ đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh các năm luôn đạt từ 50 - 60%, chi bộ đạt 80 - 90%; các tổ chức đoàn thể của các xã đều đạt loại khá trở lên không còn tổ chức yếu kém.

Đến nay đã có 15/16 xã đạt tiêu chí về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật,

5.2. Quốc phòng và an ninh

Trong những năm qua lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện đã chủ động tập trung huy động mọi nguồn lực thực hiện phong trào thi đua "Lực lượng vũ trang chung sức xây dựng NTM"; trong những năm qua, lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện đã huy động được 272 triệu đồng gần 500 ngày công tham gia xây dựng chỉnh trang nhà văn hóa thôn, đường làng ngõ xóm...

Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; an ninh nông thôn, an ninh trên các lĩnh vực được giữ vững, không có điểm nóng. Công an huyện đã tổ chức nhiều đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm không để hình thành băng nhóm tội phạm hoạt động có tổ chức, hoạt động theo kiểu "xã hội đen". Trật tự an toàn giao thông có sự chuyển biến tích cực, tai nạn giao thông được kiềm chế.

Đến nay, có 16/16 xã đạt tiêu chí quốc phòng an ninh.

6. Kết quả huy động, sử dụng nguồn lực.

Tổng huy động các nguồn lực: **8.190,86 tỷ đồng**. Trong đó:

- Ngân sách trung ương : 570,56 tỷ đồng chiếm 6,96%
- Ngân sách địa phương : 185,12 tỷ đồng chiếm 2,26%
- Vốn lồng ghép : 106,69 tỷ đồng chiếm 1,3%

- Vốn tín dụng : 834,18 tỷ đồng chiếm 10,18%
- Vốn doanh nghiệp : 3.454,89 tỷ đồng chiếm 42,18%
- Vốn Nhân dân : 3.033,91 tỷ đồng chiếm 37,04%.
- Vốn khác : 5,51 tỷ đồng chiếm 0,08%

(Cụ thể có phụ biểu kèm theo)

Việc huy động nguồn lực từ nhân dân trong xây dựng NTM trong 10 năm qua ở các đơn vị xã phù hợp với điều kiện của từng địa phương, thực hiện công khai dân chủ, được sự đồng tình ủng hộ đóng góp bằng tiền, ngày công lao động, hiến đất ... từ nhân dân. Nguồn vốn hỗ trợ xây dựng NTM của cấp trên, vốn lồng ghép các chương trình dự án và vốn đóng góp của nhân dân được quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả.

7. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

Đến hết năm 2018, toàn huyện đã đạt 238 tiêu chí xã; bình quân đạt 14,88 tiêu chí/xã (tăng 11,38 tiêu chí/xã so với năm 2010); dự tính năm 2019 tăng thêm 15 tiêu chí. Cụ thể 03/16 xã đạt chuẩn NTM (gồm: Ngọc Phụng, Xuân Dương và xã Lương Sơn); 02 xã đã đạt 19/19 tiêu chí trong đó có 02 xã đã hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị tinh công nhận xã đạt chuẩn NTM là (xã Thọ Thanh, xã Luận Thành), 01 đạt 18/19 tiêu chí hiện đang lập hồ sơ là xã Xuân Cẩm. Các xã còn lại có 02 xã đạt 16/19 tiêu chí, 01 xã đạt 14 tiêu chí, 01 xã đạt 13 tiêu chí, 02 xã đạt 12 tiêu chí, 02 xã đạt 11 tiêu chí, 02 xã đạt 10 tiêu chí, không còn xã dưới 10 tiêu chí.

Toàn huyện có 22/119 thôn đạt chuẩn NTM, 09 thôn đang làm hồ sơ đề nghị huyện công nhận thôn đạt chuẩn năm 2019.

(Cụ thể có phụ biểu kèm theo)

Thực hiện đề án thí điểm xây dựng thôn NTM kiểu mẫu của tỉnh, năm 2018 huyện Thường Xuân được chọn thôn Xuân Lập, xã Ngọc Phụng làm điểm xây dựng thôn kiểu mẫu, sau 1 năm thực hiện được sự hỗ trợ của tỉnh, huyện, xã và sự thống nhất, quyết tâm của Ban phát triển thôn và sự đồng lòng ủng hộ của toàn thể nhân dân trong thôn, đến cuối năm 2018 thôn Xuân Lập đã xây dựng thành công thôn NTM kiểu mẫu và được tỉnh đánh giá là tốt nhất trong 3 thôn được chọn làm điểm.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã đạt được:

Sau 10 năm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM của các cấp uỷ đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở và sự đồng thuận tham gia hưởng ứng của nhân dân trên địa bàn huyện, sản xuất ngày càng phát triển, hệ thống hạ tầng nông thôn từng bước được hoàn chỉnh, diện mạo nông thôn ngày càng khang trang, sạch đẹp, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, luôn được duy trì ổn định, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

Thực hiện chương trình trọng tâm phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch và chương trình giảm nghèo gắn với thực hiện các chương trình

135, 30a; trong 10 năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng, tốc độ tăng giá trị sản xuất trong giai đoạn 2010 - 2019 đạt 15,5% tăng 155% so với giai đoạn 2005 - 2010. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, năm 2018 tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 30,4% giảm 12,9% so với năm 2010; ngành công nghiệp, xây dựng năm 2010 chiếm 32,5% đến năm 2018 là 37,6%, tăng 17,89%; ngành dịch vụ, thương mại chiếm 24,2% năm 2010, đến năm 2018 tăng lên 32%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 đạt 24,8 triệu đồng, tăng gấp 3 lần so với năm 2010. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, bình quân hàng năm giảm trên 3%, tỷ lệ hộ nghèo năm 2010 là 41,2% (theo chuẩn nghèo 2005), năm 2018 còn 13,77% (theo chuẩn mới). Tỷ lệ lao động nông nghiệp khu vực nông thôn chiếm tỷ lệ 58,5% giảm 25% so với năm 2010.

Các tiêu chí đạt chuẩn NTM tăng nhanh, khi triển khai xây dựng NTM bình quân toàn huyện đạt 3,5 tiêu chí/xã, sau 10 năm triển khai thực hiện, đến năm 2018 là 14,88 tiêu chí/xã, tăng 11,38 tiêu chí so với năm 2010.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế:

- Công tác tổ chức, triển khai các văn bản của trung ương, tỉnh, huyện ở một số xã còn hạn chế, Công tác thông tin tuyên truyền về xây dựng NTM có nơi thực hiện chưa đồng bộ, thường xuyên nên một bộ phận cán bộ cơ sở, nhân dân nhận thức về xây dựng nông thôn mới chưa đầy đủ nên trong triển khai thực hiện còn lúng túng, chưa huy động được toàn thể nhân dân tham gia xây dựng NTM.

- Trong quá trình thực hiện một số xã còn hiện tượng tập trung cao vào xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu mà không chú trọng công tác phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân.

- Trình độ năng lực cán bộ Ban chỉ đạo xã còn yếu do kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản nên lúng túng trong triển khai thực hiện. Công tác quản lý, điều hành chương trình tại một số địa phương đôi khi thực hiện chưa tập trung quyết liệt; Kết quả xây dựng NTM tại các xã chưa đồng đều.

- Công tác vệ sinh môi trường nông thôn đã được chú trọng tuy nhiên hiệu quả thực hiện còn hạn chế; nhiều địa phương rác thải, nước thải chưa được thu gom, xử lý theo quy định gây ảnh hưởng đến cảnh quan và đời sống người dân nông thôn;

- Việc kêu gọi, huy động thu hút nguồn vốn đầu tư của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân cùng tham gia bỏ vốn đầu tư thực hiện các dự án còn hạn chế; UBND xã chưa có kế hoạch và giải pháp cụ thể nhằm phát huy các nguồn lực trong cộng đồng dân cư; nguồn vốn của ngân sách xã chủ yếu dựa vào đấu giá đất, thu tiền sử dụng đất; vốn lồng ghép của cấp trên chưa được bố trí kịp thời.

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Về khách quan

- Xuất phát điểm là huyện nghèo khó khăn, hạ tầng kinh tế xã hội còn thiếu chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nông thôn mới.

- Tình hình khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp khó lường; thiên tai, dịch bệnh xảy ra gây thiệt hại lớn cho sản xuất và tài sản của nhân dân; đã làm cho sản xuất, đời sống của một bộ phận nhân dân càng thêm khó khăn.

2.2.2. Về chủ quan

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn chưa đầy đủ, một số nơi cấp ủy đảng, chính quyền có lúc, có thời điểm chưa thể hiện quyết tâm chính trị cao đối với việc thực hiện chương trình.

Việc triển khai thực hiện chương trình và các cơ chế chính sách ở một số xã và phòng ban cấp huyện còn lúng túng, thiếu chủ động, nhất là trong hướng dẫn thực hiện và đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí NTM, chưa huy động các nguồn lực của xã hội cho phát triển và thực hiện chương trình.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là, Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát, quyết liệt của cấp ủy Đảng, chính quyền sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của các ban ngành, đoàn thể; sự quyết tâm chính trị của cán bộ, đảng viên trong thực hiện là yếu tố quyết định sự thành công của chương trình.

Hai là, Công tác tuyên truyền vận động phải thường xuyên sâu rộng, dưới nhiều hình thức là tác nhân quan trọng làm thay đổi tư nhận thức đến hành động của nhân dân, tạo sự đồng thuận, sức mạnh đoàn kết, huy động nguồn lực để thực hiện chương trình, với phương châm người dân là chủ thể, lấy sức dân để lo cho dân trong xây dựng nông thôn mới.

Ba là, Ban chỉ đạo huyện, xã có cách sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả; các thành viên ban chỉ đạo chủ động, tích cực chỉ đạo thực hiện các tiêu chí theo chức năng, nhiệm vụ được giao; Văn phòng điều phối NTM huyện phát huy tốt vai trò, nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu cho ban chỉ đạo về thứ tự ưu tiên thực hiện các tiêu chí.

Bốn là, Phải chỉ đạo thực hiện đồng bộ các chương trình trọng tâm về phát triển nông nghiệp xây dựng NTM với chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình phát triển du lịch, chương trình phát triển nguồn nhân lực và lồng ghép các chương trình 135, 30a của chính phủ.

Năm là, Về huy động nguồn lực: Nguồn lực nhà nước là quan trọng, nguồn lực doanh nghiệp hỗ trợ, nguồn lực của nhân dân là quyết định. Trong thực hiện phải công khai minh bạch, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đặc biệt là phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư.

Phân thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

I. QUAN ĐIỂM

Xây dựng NTM là chủ trương lớn để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân nông thôn, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị. Xây dựng NTM là cuộc vận động rộng rãi, thu hút các nguồn lực trong toàn xã hội cùng tham gia. Đảng ủy, chính quyền đóng vai trò lãnh đạo, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động; nông dân vừa là chủ thể thực hiện vừa là đối tượng thụ hưởng thành quả đạt được.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng NTM nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; để nông thôn có cuộc sống dân chủ, bình đẳng, ôn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự xã hội được giữ vững.

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 16-NQ/TU của BCH đảng bộ tỉnh, Nghị quyết 03-NQ/HU của BCH Đảng bộ huyện; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang các ngành dịch vụ khác, phát triển công nghiệp, dịch vụ nâng cao đời sống cho nhân dân, phấn đấu thu nhập bình quân đầu người đến 2025 trên 50 triệu đồng/người/năm.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Năm 2020

- 01 xã đạt chuẩn NTM
- 7 - 8 thôn đạt chuẩn NTM trở lên;
- 01 thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu;
- 01 xã đạt NTM nâng cao;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 30 triệu đồng/người/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo phấn đấu giảm còn 3,97%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.
- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 97%.

2.2. Giai đoạn 2021-2025

- 03 xã đạt chuẩn NTM
- 02 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 01 xã NTM kiểu mẫu.
- Thu nhập bình quân đầu người ước đến năm 2025 đạt 40 triệu đồng/người/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo phấn đấu đến năm 2025 giảm còn 3%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 100% (nước sạch: 65%).

2.3. Giai đoạn 2026-2030

- 03 xã đạt chuẩn NTM
- 03 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 02 xã NTM kiểu mẫu.
- Thu nhập bình quân đầu người ước đến năm 2030 đạt 50 triệu đồng/người/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo phấn đấu đến năm 2030 giảm còn dưới 3%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt trên 98%.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền xây dựng NTM

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ đảng viên và nhân dân về chủ trương, chính sách của đảng, Nhà nước và những kết quả đã đạt được trong xây dựng NTM, để nhân dân tiếp tục nhận thức sâu sắc hơn nữa về chủ trương xây dựng NTM là một chương trình phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế - văn hoá xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Công tác tuyên truyền phải tiếp tục được làm thường xuyên, liên tục với nhiều hình thức đa dạng, phong phú cả về nội dung và hình thức.... để tạo sự đồng thuận hơn nữa trong nhân dân và nhân dân ngày càng xác định rõ vai trò chủ thể của mình trong xây dựng NTM, để từ đó nhân dân tự giác, thi đua thực hiện thắng lợi phong trào chung sức xây dựng NTM.

2. Tiếp tục rà soát bổ sung quy hoạch xây dựng NTM, rà soát các tiêu chí duy trì cung cấp và nâng cao chất lượng các tiêu chí

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch NTM cho phù hợp với điều kiện thực tiễn đang đặt ra ở mỗi xã, phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện. Đồng thời, hoàn thành cẩm mốc chỉ giới và quản lý quy hoạch theo quy định.

- Thường xuyên rà soát các tiêu chí, duy trì cung cấp và nâng cao chất lượng tiêu chí; các xã đạt chuẩn nông thôn mới cần xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu; xác định những nội dung, công việc cần làm, những tiêu chí phấn đấu đạt được qua từng năm, xây dựng giải pháp huy động nguồn lực nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

3. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nội dung xây dựng NTM

- Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất theo hướng năng suất chất lượng, hiệu quả, tiến tới phát triển sản xuất theo hướng công nghệ cao, xây dựng thương hiệu sản phẩm; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết sản xuất, đảm bảo tiêu thụ sản phẩm cho nông dân; Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở để huy động các nguồn lực trong nhân dân cho xây dựng NTM.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia mua bảo hiểm y tế để đạt bình quân chung toàn huyện từ 95% trở lên.

- Tiếp tục tuyên truyền cho nhân dân nâng cao ý thức trong công tác vệ sinh môi trường nông thôn theo hướng sạch nhà- sạch bếp- sạch ngõ. Cảnh trang nhà ở dân cư, tạo cảnh quan môi trường đường làng ngõ xóm xanh- sạch- đẹp, tạo nên một miền quê đáng sống.

4. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM”

Các ngành và hệ thống chính trị tổ chức phong trào thi đua phản ánh đạt mục tiêu của ngành và đoàn thể trong xây dựng NTM. Thường xuyên nắm bắt, phát hiện những cách làm hay, mô hình tốt để phổ biến, nhân ra diện rộng, khen thưởng thỏa đáng các đơn vị làm tốt; khen thưởng động viên kịp thời các tổ chức cá nhân có nhiều đóng góp cho Chương trình.

5. Tiếp tục huy động có hiệu quả các nguồn lực xây dựng NTM

Lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình dự án, đặc biệt tập trung nguồn lực từ Ngân sách địa phương và từ nguồn nhân dân đóng góp theo hướng tập trung, không dàn trải, phát huy dân chủ, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng công trình, tạo sự tin tưởng và đồng thuận, phát huy nguồn lực trong nhân dân, trong dòng tộc, con em địa phương làm ăn xa và các doanh nhân thành đạt tham gia xây dựng quê hương.

6. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo điều hành xây dựng NTM

- Các tổ chức, cơ sở Đảng thực sự là nòng cốt lãnh đạo xây dựng NTM. Chính quyền triển khai thực hiện cợ chế chính sách, Pháp luật chặt chẽ hiệu quả. Mặt trận Tổ quốc tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây dựng NTM và cuộc vận động “toute dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”.

- Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể tăng cường giám sát, tăng cường đi cơ sở để giúp cơ sở trong quá trình tổ chức thực hiện các nội dung như: Môi trường, Bảo hiểm y tế, vườn hộ. Mỗi đoàn thể đảm nhận một số nội dung phù hợp để vận động đoàn viên, hội viên thực hiện có hiệu quả. Thành viên BCĐ tăng cường theo dõi, nắm bắt tình hình, động viên và giúp đỡ các địa phương, đồng thời tham mưu, đề xuất giải pháp, chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn cho cơ sở.

7. Tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ

Tiếp tục Nghiên cứu ban hành các cơ chế khuyến khích phát triển sản xuất ở một số lĩnh vực, cơ chế thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp theo chuỗi, các cụm công nghiệp để giải quyết việc làm cho người lao động, cơ chế hỗ trợ (thường) cho các xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Dự kiến tổng nhu cầu vốn thực hiện giai đoạn 2020- 2030 là: 6.460,5 tỷ đồng.
- Dự kiến khả năng huy động các nguồn lực:

+ Ngân sách Nhà nước (các cấp): Trực tiếp và lồng ghép các Chương trình dự án là : 530 tỷ đồng (bằng 0,8%)

+ Vốn tín dụng : 520 tỷ đồng (bằng 0,8%)

+ Vốn doanh nghiệp: 2.550,5 tỷ đồng (bằng 39,47%)

+ Vốn huy động từ người dân và cộng đồng là: 2.860 tỷ đồng (bằng 44,21%, trong đó bao gồm vốn đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi khoảng 5%, còn lại là đầu tư chỉnh trang nhà ở, tường rào, cổng ngõ, cải tạo vườn tạp thành vườn sản xuất hàng hóa, đầu tư phát triển sản xuất nâng cao đời sống nhân dân)

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhà nước quan tâm tạo điều kiện cho các huyện miền núi sau khi ra khỏi các huyện nghèo tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ đối với các huyện miền núi, vùng sâu vùng xa, để tiếp tục giữ vững và phát huy những tiêu chí đã đạt được./.

Noi nhận:

- Văn Phòng điều phối XD NTM tỉnh(B/c);
- BCD NTM tỉnh
- BCD NTM huyện.
- Đại biểu đ/c Hội Nghị;
- Đài truyền thanh huyện;
- Lưu: VT, BCD.

TM. BCD CHƯƠNG TRÌNH
P. TRƯỞNG BAN



Cầm Bá Xuân

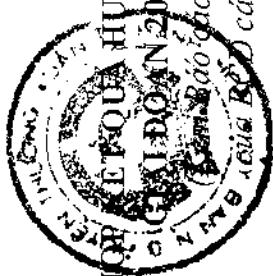
Mẫu biểu số 02

KẾT QUẢ HÀNH ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC DẦU TÚ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM 2010-2020
 /BC-BCĐ ngày tháng 8 năm 2019 của BCĐ các Chương trình MTQG huyện Thường Xuân
 (Kết quả theo Báo cáo số:

TT	Nội dung đầu tư	DVT	Thành tiền (Tr.đồng)						Thành tiền (Tr.đồng)						Ghi chú			
			Tổng số	Vốn dân tộc trực tiếp	Lông ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Danh góp	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Tín dụng	Danh góp	Khác			
1	QUY HOẠCH NÔNG	xã	1.760	1.760						600		600						
2	GIAO THÔNG	Km	1.925,322	218,072	119,509	98,563	29,230	1.650,000	28,000	1.506,370	101,000	160,000	70,000	615,000	561,370			
2.1	Đường trục xã	Km	1.819,509	169,509	119,509	50,000		1.650,000		535,000	10,000	80,000		220,000	135,000			
2.2	Đường trục thôn, bản, ấp	Km	57,840	25,340	25,340				416,000		50,000		35,000	130,000	201,000			
2.3	Đường ngõ xóm	Km	40,160	24,660	24,660				15,500	330,130		30,000		115,000	150,130			
2.4	Đường trục nội đồng	Km	-	-					225,240					150,000	75,240			
3	TRUYỀN LỐI		131,165	99,590	99,590			31,575	128,120	54,000				46,120	28,000			
	Kênh mương	Km	262,268	62,058	62,058			183,000	17,200	85,120	45,000				25,120	15,000		
	Hồ đập	C. trinh	201,897	37,522	37,522			150,000	14,375	43,000	9,000				21,000	13,000		
4	DIỆN		105,000	-				105,000								92,000		
4.1	Đường dây		-	-											25,000	34,000		
4.2	Trạm biến áp		105,000	-				105,000							2,000	58,000		
5	GIÁO DỤC		130,260	130,260	130,260					49,000	40,000	9,000						
5.1	Trường mầm non, mẫu giáo		-	-						25,950	21,950	4,000						
5.2	Trường tiểu học		-	-						12,000	9,500	2,500						
5.3	Trường THCS		-	-						19,000	9,500	9,500						
5.4			-	-							2,500	2,500						
6	Y TẾ		5,111	5,111	5,111						30,000	10,000	20,000					
6.1	Trạm y tế xã	Tiệm	5,111	5,111	5,111						30,000	10,000	20,000					
7	VĂN HÓA		187,200	182,000	115,700	66,300		5,200		63,120	30,000	25,000				8,120		
7.1	CSVC văn hóa cấp xã	Nhà	49,000	49,000	49,000						6,000	3,000	1,000					
7.2	CSVC văn hóa cấp thành, thị trấn	Nhà	75,350	70,000	37,000	66,500			150	5,200	32,120	25,000	19,000			8,120		

STT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Tổng kế thực hiện đến 30/6/2019								Dự kiến giải ngân 2021-2030								Ghi chú	
			Thành hiện (Tr.đồng)				Thành hiện (Tr.đồng)													
			Tổng số	Tổng số đầu tư trước nêu	Lô ghi ghiệp	Tín dụng	Danh nhập nghiệp	Danh góp	Nguồn khác	Tổng số	NSTW	NSDP	Tín dụng	Danh góp	Khác					
7.3	Công sở xã	Nhà	63.000	63.000	63.000	63.000				4.500	-	4.500								
8	CHỢ NÔNG THÔN	Cái	4.500	4.500	3.000	1.500				856.000	6.000								850.000	
9	BƯU ĐIỆN		77.000	-					77.000		50.000								50.000	
10	NHÀ Ở DÂN CỘ		2.897.066	-			218.825		2.678.241	1.975.000			1.975.000							
11	PHÁT TRIỂN SẢN VỊA T		308.471	3.920	5.920		18.063	235.000	24.038	25.450	192.500	10.000	7.000	150.000	20.000				5.500	
	Xây dựng mó hỉnh sán vùia	mô hỉnh	-	-																
12	NGÔA ĐÔI, GIẢM NGHIFO		355.532	84.995	84.995		25.537	245.000			192.500	10.000	7.000	150.000	20.000				5.500	
13	GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM	Người	147.694	3.944			23.750	120.000			185.000			100.000	85.000					
	...		-							173.000	50.000									
14	PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỰC TỌ CHỨC SỰ		67.082	-						-										
	HTX dịch vụ NN	HTX	67.082	-			15.357	39.225	12.500	101.400			3.400	50.000	5.000	43.000				
15	MÔI TRƯỜNG		450	-			15.357	39.225	12.500	101.400			3.400	50.000	5.000	43.000				
15.1	Cấp nước sinh hoạt		-	-			450			2.000			2.000							
15.2	Thoát nước thải		-	-						-										
15.3	Thu gom, xử lý chất thải	rắn	450	-			450			2.000			2.000							
15.4	...		-	-						-										
16	TUYÊN TRUYỀN	Người	10.087	-			10.087			-										
17	ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN	Người	385	385	385					3.000		3.000								
18	CÁC NỘI DUNG DÀU TƯ KHÁC		1.913.393	18.759	18.759		1.636.180	2.22.914	5.510	1.066.190			95.760	970.630						
	Tổng cộng:		8.190.863	755.681	576.559	185.122	106.687	834.182	3.454.893	3.023.910	5.510	6.450.500	300.000	520.000	2.850.000	2.550.500				

Mẫu biểu số 01



TỔNG HỢP KẾ HOẠCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ VÀ HƯỚNG ĐI QUỐC GIA 2010-2020 VÀ DỰ KIẾN KÉ HOẠCH 2021-2030

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả thực hiện						Kế hoạch 2021-2030
		Giai đoạn 2010-2015	2016	2017	2018	30/6/2019	Tổng vốn đã thực hiện	
	TỔNG SỐ	4.056.454	1.296.397	1.194.778	1.200.984	442.250	8.190.863	545.000
I	NGÂN SÁCH TW	434.598	57.840	40.628	37.493		570.559	30.000
II	NGÂN SÁCH ĐP	132.792	44.900	4.400	1.930	1.100	185.122	25.000
1	Tỉnh	54.513				350	54.863	150.000
2	Huyện	48.616		150	1.930	750	51.446	50.000
3	Xã	29.663	44.900	4.250			78.813	30.000
III	VỐN LÒNG GHÉP			67.350	39.337		106.687	
IV	VỐN TÍN DỤNG	482.643	187.947	125.357	38.235		834.182	50.000
V	VỐN DOANH NGHIỆP	1.838.513	462.600	452.668	602.712	98.400	3.454.893	520.000

VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	1.167.908	537.810	504.375	481.067	342.750	3.033.910	
1	Tiền mặt	99.404	5.700		4.402	7.500	117.806	520.000
2	Ngày công lao động (Công)							500.000
3	Quy đổi thành tiền	142.771	14.680			11.250	168.701	
4	Hiển đất (m^2)							
5	Vật tư quy đổi thành tiền	68.597			1.365		69.962	675.000
6	Trang chí nhà ở dân cư	857.136	517.430	504.375	475.300	324.000	2.678.241	1.675.000
VII	NGUỒN KHÁC							
1	Con em xã quê			5.300	210	5.510	5.500	10.000
				5.300	210	5.510	5.500	10.000

Biểu số 04

(Kết quả bao gồm số



BÌNH TỔNG HỢP CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

(Hàng S năm 2019 của Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Thượng Xuyên)

STT	Tên xã	Quy hoạch	Giao thông	Thuỷ lợi	Điện	Tr. học	Cơ sở vật chất	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thông tin và truyền thông	Nhà ở	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Tổng chỉ đạt/hà		
																				C	D	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	C	D
1	Ngọc Phung	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
2	Xuân Dương	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
3	Bát Mợt	1																				
4	Yên Nhản	1																				
5	Lương Sơn	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	14
6	Xuân Cẩm	1																				
7	Thọ Thành	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
8	Xuân Cao	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	16
9	Luân Thành	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
10	Luân Khê	1																				
11	Tân Thành	1																				
12	Xuân Thắng	1																				
13	Xuân Lộc	1																				
14	Vạn Xuân	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	16
15	Xuân Chính	1																				
16	Xuân Lê	1																				
Tổng cộng		16	7	13	13	3	13	8	16	15	6	6	16	14	16	13	11	16	15	16	238	14,88



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIAI ĐOẠN 2010-2020 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2021-2030**

(Kèm theo báo cáo số: /BC-BCĐ ngày tháng 8 năm 2019
(của BCĐ các Chương trình NTM huyện Thường Xuân)

TT	Mục tiêu	Kết quả đến 30/6/2019	Ước thực hiện đến 31/12/2020	Mục tiêu phản ánh giai đoạn 2021-2030	ghi chú
I	THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ				
I	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã				
1.1	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) NTM	5	7	10	
1.2	Số xã đạt 18 tiêu chí	1	3	3	
1.3	Số xã đạt 17 tiêu chí	0	2	1	
1.4	Số xã đạt 16 tiêu chí	2	1	1	
1.5	Số xã đạt 15 tiêu chí	0	1	1	
1.6	Số xã đạt 14 tiêu chí	1	1	0	
1.7	Số xã đạt 13 tiêu chí	1	1	0	
1.8	Số xã đạt 12 tiêu chí	2	0	0	
1.9	Số xã đạt 11 tiêu chí	2	0	0	
1.10	Số xã đạt 10 tiêu chí	2	0	0	
2	Số xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao	1	2	5	
3	Số xã đạt xã NTM kiểu mẫu		1	3	
4	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí				
2.1	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	16	16	16	
2.2	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	7	10	13	
2.3	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	13	15	16	
2.4	Số xã đạt tiêu chí số 4 về Điện	13	15	16	
2.5	Số xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học	8	11	14	
2.6	Số xã đạt tiêu chí số 6 về CSVC văn hóa	13	15	16	
2.7	Số xã đạt tiêu chí số 7 về CSHTTM nông thôn	8	12	14	
2.8	Số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông	16	16	16	
2.9	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	15	16	16	
2.10	Số xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập	6	8	12	

2.11	Số xã đạt tiêu chí số 11 về Hộ nghèo	6	8	13	
2.12	Số xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm	16	16	16	
2.13	Số xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất	14	15	16	
2.14	Số xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo	16	16	16	
2.15	Số xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế	13	16	16	
2.16	Số xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa	11	13	15	
2.17	Số xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và ATTP	16	16	16	
2.18	Số xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và TCPL	15	16	16	
2.19	Số xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh	16	16	16	
II MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU					
1	Thu nhập BQ/người/năm (tr.d)	27,2	30	40	
2	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	7	3,97	3	
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	58,5	60	75	
4	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (%)	94,3	95	98	
5	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia (%)	89,8	97	100	